

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HCPT**

Ngày: 28/6/2022

*V/v: Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm
hành chính trong lĩnh vực đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Anh Dũng**

Bà **Tôn Thị Xuân Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ánh Tuyết**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Trần Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 16/2018/TLPT-HC ngày 25/5/2018 về việc Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do Bản án số 01/2018/HC-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐPT-HC ngày 09/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐPT-HC ngày 25/7/2018, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐHPT-HC ngày 31/7/2018, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 35/2022/QĐPT-HC ngày 11/5/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 279/TB-TA ngày 11/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐPT-HC ngày 25/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐPT-HC ngày 07/6/2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 415/TB-TA ngày 20/6/2022; giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông **Đặng Đình H**, sinh năm 1962; (có mặt)
2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông **Nguyễn Khắc B** sinh năm 1955, luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; tổ chức hành nghề: Văn phòng luật sư M, địa chỉ: N, quận C, thành phố Hà Nội. (có mặt)
2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1956, luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; tổ chức hành nghề: Văn phòng luật sư M, địa chỉ: N, quận C, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Vương Văn B**, chức danh: Chủ tịch; (vắng mặt có ủy quyền).
2. Ông **Đỗ Minh T**, chức danh: Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 09 ngày 08/6/2018, vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện S
2. Ủy ban nhân dân xã H

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Vương Văn B**, chức danh: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện S (vắng mặt có ủy quyền).
2. Ông **Đỗ Minh T**, chức danh: Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện S (Giấy ủy quyền số 09 ngày 08/6/2018, vắng mặt)
3. Ông **Trần Văn H**, chức danh: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND xã H (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đặng Đình H, bà Nguyễn Thị Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25/01/1995, UBND xã H có **Quyết định số 110 QĐ/UB** về việc thanh lý đất đầu thừa đuôi theo (bản sao, bút lục 8) có nội dung: Thanh lý khu đất đầu thừa, đuôi theo ở khu vực cửa rừng (Đ) tính vào quỹ đất thổ cư của những năm sau này, đối với gia đình ông Đặng Đình H.

Bản chính Quyết định số 110 QĐ/UB Ngày 25/01/1995 của UBND xã H do gia đình ông Đặng Đình H lưu giữ có sự đánh máy thêm con số hoặc dấu phẩy về diện tích đất được thanh lý không rõ là 400m² hay 940m² hay 9400m². Còn bản phô tô quyết định này do UBND xã H cung cấp có diện tích đất được thanh lý là 400m².

Ngày 19/5/1998, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L932533 cho hộ gia đình ông Đặng Đình H được sử dụng 2.400m² đất nông nghiệp tại thôn Đ tại tờ bản đồ số 01 gồm các thửa 1704 diện tích 114,7m², thửa 1703 diện tích 874,8m², thửa 1671 diện tích 1.253m², thửa 1378 diện tích 1.242,6m² (bản sao, bút lục 07). Diện tích đất nông nghiệp này có thửa liền kề với diện tích đất ở theo Quyết định số 110 QĐ/UB Ngày 25/01/1995 của UBND xã H. Do đất nông nghiệp bị sâu trùng nên gia đình ông Đặng Đình H đã đổ đất cải tạo để sử dụng.

Ngày 19/12/2007, UBND huyện S có **Quyết định 3571/QĐ-UBND** (bút lục 12, 270, 323) thu hồi đất nông nghiệp, đất ở của các hộ gia đình cá nhân thôn Thượng, Đ, xã H để GPMB thực hiện dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường H – Ga, đề tả trong đó hộ gia đình ông Đặng Đình H bị thu hồi 282,6m² đất nông nghiệp

tại các thửa 1703, 1704, 1378 tờ bản đồ 01) và 105,6m² đất ở nông thôn tại các thửa 04, 186 tờ bản đồ 06.

Ngày 18/7/2012, ông H bị UBND xã H lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 13/BB-VPHC (bút lục 246) do đã có hành vi đổ đất làm biến dạng địa hình gây hậu quả làm cho đất giảm khả năng sử dụng được xác định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2009; Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 với tình tiết giảm nhẹ do trình độ lạc hậu, nhận thức về pháp luật đất đai hạn chế quy định tại Khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh 44/2002/PL-UBTVQH10. Ngày 31/7/2012, Chủ tịch UBND xã H ban hành **Quyết định 100/QĐ-XPHC** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (bút lục 244); phạt ông H 1.000.000đ và buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Ngày 06/12/2012, Chủ tịch UBND xã H có **Quyết định số 229/QĐ-UBND** về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng do ông H có hành vi xây dựng công trình tường bao không phép trên diện tích đất nông nghiệp với kích thước 8,2m x 0,7m x 330mm bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng cát (bút lục 240)

Ngày 07/12/2012, Chủ tịch UBND xã H có **Quyết định 234/QĐ-UBND** về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng gồm 2 bức tường dài 22,4m trong đó 1 bức cao 0,7m, 01 bức cao 0,3m; 02 bức tường dài 7m trong đó 1 bức cao 0,7m, 1 bức cao 0,5m (bút lục 226)

Ngày 25/01/2013, Chủ tịch UBND xã H ban hành **Quyết định 08/QĐ-UB** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do ông H có hành vi xây dựng công trình trên đất nông nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định 105/2009/NĐ-CP; phạt cảnh cáo đối với ông H, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất (bút lục 206).

Ngày 29/01/2013, Chủ tịch UBND xã H ban hành **Quyết định 09/QĐ-UBND** về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và áp dụng biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu bằng hình thức vận chuyển toàn bộ khối lượng đất đã đổ trên diện tích đất nông nghiệp và đất công tại thôn Đ do ông H có hành vi xây dựng công trình không phép trên diện tích đất nông nghiệp và đất công; đổ đất trên đất sản xuất nông nghiệp và đất công làm biến dạng địa hình. Công trình xây dựng gồm 1 bức tường dài 23,3m cao 4m, 1 bức đường dài 23,3m cao 3,7m, 1 bức tường dài 8m cao 4,7m, 1 bức tường dài 8m cao 4,5m; khối lượng đất đổ làm biến dạng địa hình dài 23,3m rộng 8m cao 0,7m = 130,45m³ (bút lục 198)

Ngày 22/4/2013, Chủ tịch UBND xã H có **Quyết định 39/QĐ-UBND** (trong hồ sơ không có quyết định này) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H đối với Quyết định 08/QĐ-UB ngày 25/01/2013 của Chủ tịch UBND xã H.

Ngày 18/9/2013, Chủ tịch UBND huyện S ban hành **Quyết định 5037/QĐ-UBND** giải quyết khiếu nại đã quyết định: Việc ông Đặng Đình H khiếu nại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của UBND xã H trong việc giải quyết đơn khiếu nại của ông quan đến quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 về việc

xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với gia đình ông H là không có căn cứ. Yêu cầu UBND xã H kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý đối tập thể, cá nhân có liên quan đến việc ban hành Quyết định số 110/QĐ/UB ngày 25/01/1995 về việc thanh lý 400m² đất tại khu Cửa Rừng, thôn Đ cho gia đình ông H đồng thời có biện pháp quản lý khu đất này theo ý kiến của Phòng TN&MT huyện tại Công văn số: 81/TNMT ngày 27/3/2013; Xác định mốc giới vi phạm, hoàn thiện hồ sơ xử lý dứt điểm các công trình vi phạm của hộ gia đình ông H tại khu đất Cửa Rừng, thôn Đ theo đúng quy định của pháp luật; Xác định rõ ranh giới đất công với diện tích đất được giao theo Nghị định 64 và diện tích gia đình ông H sử dụng theo Quyết định 110/QĐ/UB ngày 25/01/1995 để có biện pháp quản lý theo thẩm quyền; Đồng thời yêu cầu gia đình ông H giữ nguyên hiện trạng căn nhà xây dựng năm 1995 cho đến khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Giao cho Ban quản lý Dự án huyện (chủ đầu tư) Dự án Cải tạo, nâng cấp thiết đường H đi Ga - Đê tả lập phương án điều chỉnh đối với diện tích 17,2m² đất thuộc thửa số 186, tờ bản đồ số 06 của hộ gia đình ông H tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của UBND huyện S. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện S tiến hành điều tra, làm rõ hành vi sửa chữa nội dung Quyết định số 110/QĐ/UB ngày 25/01/19 - H, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2013, Chủ tịch UBND huyện S ban hành **Quyết định 6341/QĐ-UBND** áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (BL18) do ông H có hành vi tự ý đổ đất, san lấp mặt bằng, sử dụng đất không đúng mục đích sản xuất nông nghiệp, xây dựng công trình, trồng cây lâu năm trên đất sản xuất nông nghiệp tại thửa 1703+1704 khu Cửa Rừng với diện tích 874,8m² từ năm 1995, vi phạm Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009. Ông H đã tự ý đổ đất, san lấp mặt bằng, xây dựng công trình lán, chiếm đất công với diện tích 1.257,36m², vi phạm Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định 105/2009. Các hành vi của ông H thực hiện từ năm 1995.

Ngày 25/11/2013, Chủ tịch UBND huyện S ban hành **Quyết định 6691/QĐ-UBND** cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra (BL 15, 310) do không thực hiện Quyết định 6341/QĐ-UBND áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 29/11/2013, ông H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện S yêu cầu hủy Quyết định 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S; sau đó bổ sung yêu cầu khởi kiện hành vi cưỡng chế ngày 25/12/2013 của Chủ tịch UBND xã H (BL 24).

Ngày 25/12/2013, UBND xã H tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 11/02/2014, UBND xã H có **Thông báo 43/TB-UBND** (BL 21, 255, 316) yêu cầu tiểu ban dồn điền đổi thửa tiến hành chia ruộng cho gia đình ông H gộp về một khu theo nguyện vọng của gia đình từ khu gò Đồng Tròn chuyển về khu Dọc Ống Bò.

Ngày 05/3/2014, UBND xã H tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa, gia đình ông H cho rằng UBND xã lấy đất ở và đất nông nghiệp của gia đình để giao cho người khác nên có hành vi chống đối. Bà Q bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 06/3/2014, ông H bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 18/3/2014. Bà Q phải chấp hành hình phạt tù giam 02 năm 05 tháng về tội cố ý làm hư hỏng tài sản và chống người thi hành công vụ; ông H phải chấp hành hình phạt tù giam 02 năm về tội cố ý làm hư hỏng tài sản và chống người thi hành công vụ theo Bản án số 778/HSPT ngày 26/9/2014 và Bản án số 8/HSPT ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án số 4/HSST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện S.

Ngày 31/3/2014, Tòa án nhân dân huyện S ra Thông báo số 01/2014/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho ông H do không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án (BL 31) (**Không có thông báo sửa đơn khởi kiện trong hồ sơ**)

Bà Q ra tù ngày 31/8/2015. Ông H ra tù ngày 30/01/2016. Ngày 10/11/2015, bà Q có Đơn khởi kiện (BL 4). Ông H, bà Q bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 09/3/2016 (BL 41). Sau khi Tòa án nhân dân huyện S có Thông báo 09/TB-TA ngày 04/4/2016 yêu cầu tách đơn khởi kiện đối với quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện S và hành vi hành chính của UBND xã H thành 02 đơn kiện riêng (BL 34), ông H bà Q có đơn sửa đổi ngày 12/4/2016 (BL 44); sửa đổi bổ sung ngày 25/8/2017 (BL 331) và tại phiên tòa sơ thẩm (BL 403), yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Q như sau:

1. Hủy Quyết định số 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong sử dụng đất đai.
2. Hủy Quyết định số 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S về cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.
3. Hủy toàn bộ các quyết định trái pháp luật của UBND huyện S và UBND xã H liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi đất và tài sản trên đất của gia đình.
4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất công trình xây dựng là 3.130.069.000đ; thiệt hại về cây trồng vật nuôi là 934.700.000đ; thiệt hại cây trồng vật nuôi ngày 25/12/2013 và ngày 07/3/2014 ở khu đất Đồng Tròn và Dộc Ông Bò, Cửa Rừng là 278.700.000đ.
5. Xác định thửa đất nông nghiệp số 1703 và 1704 thuộc xứ đồng Dộc Ông Bò và thửa đất ở số 186 tờ bản đồ số 6 gia đình được giao theo Quyết định số 110/QĐ-UB tại khu Cửa Rừng thôn Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình
6. Yêu cầu khôi phục nguyên trạng các thửa đất nông nghiệp 1703, 1704, 1671, 1378 và thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có vị trí liền kề cùng với thửa 1671, 1378 ở gò Đồng Trong và thửa đất ở mà gia đình được giao theo quyết định 110 tại khu Cửa Rừng
7. Buộc các đối tượng có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện S đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Q đòi hủy Quyết định số 6341/QĐ - UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 6691/QĐ - UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S. Bác yêu cầu đòi khôi phục nguyên hiện trạng các thửa đất số 1703, 1704 thuộc xứ đồng Độc Ống Bò thôn Đ. Bác yêu cầu đòi công nhận thửa đất được giao theo Quyết định số 110QĐ/UB ngày 25/01/1995 của UBND xã H tại khu Cửa rừng thôn Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H, bà Q. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất công trình xây dựng với số tiền 3.130.069.000đ và thiệt hại về cây trồng vật nuôi với số tiền là 934.700.000đ.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 07/02/2018 ông H, bà Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu các định vị trí các thửa đất số 1703, 1704, 186 tờ bản đồ số 1 và số 6 tại địa chỉ thôn Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà; Tuyên hủy Quyết định số 6341/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 6691/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND huyện S; Yêu cầu khôi phục nguyên trạng các thửa đất số 1703, 1704, 186 tờ bản đồ số 1 và số 6 địa chỉ tại thôn Đ; Bồi thường thiệt hại về công trình xây dựng với số tiền là 3.130.000.000đ và thiệt hại về cây trồng, vật nuôi với số tiền là 934.700.000đ; Buộc các đối tượng có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bỏ sót người tham gia tố tụng là các con ông H bà Q là Đặng Ngọc Anh, Đặng Việt Anh, Đặng Anh Doanh; không thẩm định, định giá giá trị tài sản bị thiệt hại do quyết định cưỡng chế và hành vi cưỡng chế gây nên; tách vụ án không đúng quy định của pháp luật; không xem xét đến tính hợp pháp nguồn gốc đất hình thành, thời gian hình thành khối tài sản, dẫn chiếu với luật đất đai năm 2003 và nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của chính phủ; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, UBND xã, chủ tịch UBND xã đã ban hành những thông báo, những quyết định cưỡng chế, quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật, đã làm thiệt hại vô cùng lớn đến gia đình ông H như đơn ông H bà Q đã trình bày với quý tòa. Hành vi của các cán bộ sai phạm đã bị khởi tố. Đề nghị Tòa án nhập 2 vụ án đã tách thành 01 vụ để giải quyết dứt điểm cho gia đình ông H, bà Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để thụ lý xét xử sơ thẩm lại do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được, cụ thể: Thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên khác trong hộ gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thành viên khác trong hộ gia đình có tài sản trên đất bị cưỡng chế và Chủ tịch UBND xã H là người có thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính có liên quan; Tách yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến nhau của UBND, Chủ tịch UBND xã H và Chủ tịch, UBND huyện S thành 02 vụ án riêng biệt là không đúng quy định của pháp luật; Chưa làm rõ diện tích được thanh lý trong Quyết định số 110 là bao nhiêu; chưa làm rõ diện

tích đất ở gia đình ông H bị thu hồi tại Quyết định 3571/2007 đã được xác định lại loại đất theo Quyết định 5037/2013 chưa; chưa làm rõ sự quản lý của UBND xã đối với 1.257,36m² được xác định là đất công trên hồ sơ địa chính và thực tế; chưa thu thập quyết định 39/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Chủ tịch UBND xã H giải quyết khiếu nại lần đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 được giao ông Đặng Đình H ngày 08/11/2013 nhưng ông H không ký biên bản. Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 được giao cho ông H ngày 26/11/2013 nhưng không ký biên bản. Theo Điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính 2010, thời hiệu khởi kiện của ông H là 1 năm kể từ ngày 08/11/2013 đến 08/11/2014 đối với Quyết định 6341/QĐ-UB; từ ngày 26/11/2013 đến 26/11/2014 đối với Quyết định 6691/QĐ-UBND. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Q bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành hình phạt tù từ ngày 6/3/2014 đến ngày 31/8/2015; ông Đặng Đình H bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành hình phạt tù từ ngày 18/3/2014 đến ngày 30/01/2016. Do đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính 2010 thời gian ông H, bà Q bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành hình phạt tù từ ngày 6/3/2014 đến ngày 30/01/2016 không tính vào thời hiệu khởi kiện. Như vậy, Đơn khởi kiện ngày 10/11/2015 là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét thấy, bản án sơ thẩm có những thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/11/2015 (BL 4), bổ sung ngày 09/3/2016 (BL 41), sửa đổi ngày 12/4/2016 (BL 44), ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị Q khởi kiện Chủ tịch UBND huyện S, Chủ tịch UBND xã H, Trưởng Tiểu ban đồn điền đổi thửa và yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Quyết định 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong sử dụng đất đai, Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S về cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật, phá dỡ công trình trên đất, xây dựng và hủy hoại tài sản cây cối, hoa màu, vật nuôi của Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND xã H đối với thửa đất nông nghiệp số 1703, 1704, 1671, 1378, thửa đất ở số 186 được giao theo Quyết định 110.QĐ/UB ngày 25/01/1995 của UBND xã H và khu đất vỡ hoang từ năm 1977 có diện tích 737,4m² liền kề thửa 1671 và thửa 1378 ở gò Đồng Tròn; Khôi phục nguyên hiện trạng các thửa đất nông nghiệp số 1703, 1704, 1671, 1378, thửa đất ở số 186 được giao theo Quyết định số 110 và thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có diện tích 737,4m² liền kề thửa 1671 và 1378 ở gò Đồng Tròn; Xác định thửa đất nông nghiệp số 1703 và 1704 thuộc xứ đồng Độc Ông Bò và thửa đất số 186 tờ bản đồ số 6 gia đình được giao theo Quyết định số 110/QĐ-UB tại khu Cửa Rừng thôn Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình; Bồi thường thiệt hại ở khu đất Đồng Tròn, Độc Ông Bò, Cửa Rừng về vật chất công trình xây dựng là 3.130.069.000đ và thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là 934.700.000đ.

[2.1] Ngoài việc thụ lý, giải quyết, xét xử đối với các đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định 6341/QĐ-UBND và Quyết định 6691/QĐ-UBND cùng ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, yêu cầu bồi thường thiệt hại thì Thông báo thụ lý vụ án số 04/TB-TLVA ngày 12/5/2016 và Bản án sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện S đã **thụ lý và xét xử cả những yêu cầu không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính** quy định tại Điều 3, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính gồm: Yêu cầu khôi phục nguyên hiện trạng các thửa đất nông nghiệp số 1703, 1704, 1671, 1378, thửa đất ở số 186 được giao theo Quyết định số 110 và thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có diện tích 737,4m² liền kề thửa 1671 và 1378 ở gò Đồng Tròn; Xác định thửa đất nông nghiệp số 1703 và 1704 thuộc xứ đồng Độc Ống Bò và thửa đất số 186 tờ bản đồ số 6 gia đình được giao theo Quyết định số 110/QĐ-UB tại khu Cửa Rừng thôn Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình.

[2.2] Tòa án nhân dân huyện S đã giải quyết thiếu các yêu cầu khởi kiện sau đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà không có căn cứ về việc các yêu cầu này đã được tách vụ án: Hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật, phá dỡ công trình trên đất, xây dựng và hủy hoại tài sản cây cối, hoa màu, vật nuôi của Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND xã H đối với thửa đất nông nghiệp số 1703, 1704, 1671, 1378, thửa đất ở số 186 được giao theo Quyết định 110.QĐ/UB ngày 25/01/1995 của UBND xã H và khu đất vỡ hoang từ năm 1977 có diện tích 737,4m² liền kề thửa 1671 và thửa 1378 ở gò Đồng Tròn.

[2.3] Tại Thông báo thụ lý vụ án số 04/TA-TLVA ngày 12/5/2016 (BL 49), ngoài việc thụ lý yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S, Tòa án nhân dân huyện S còn thụ lý vụ án về việc yêu cầu khởi kiện hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình, hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND xã H nhưng phần nêu những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không có yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã H và cũng không có người bị kiện là Chủ tịch UBND xã H.

[2.4] Theo quy định tại Khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính và Mục 5 Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017, trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử phải xem xét tính hợp pháp của tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét tính hợp pháp của 02 quyết định hành chính bị khởi kiện mà không xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính khác có liên quan và quyết định giải quyết khiếu nại gồm:

- Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần hai (là quyết định nêu trong căn cứ ban hành

quyết định hành chính bị kiện là Quyết định 6341/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện S).

- Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Chủ tịch UBND xã H giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu)

- Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 của Chủ tịch UBND xã H về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng

- Quyết định 08/QĐ-UB ngày 25/01/2013 của Chủ tịch UBND xã H về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Quyết định 229/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của Chủ tịch UBND xã H về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng.

- Quyết định 234/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của Chủ tịch UBND xã H về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng.

- Quyết định 100/QĐ-XPHC ngày 31/7/2012 của Chủ tịch UBND xã H ban hành xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

- Quyết định 3571/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của UBND huyện S về việc thu hồi đất nông nghiệp, đất ở của các hộ gia đình cá nhân thôn Thượng, Đ, xã H để GPMB thực hiện dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường H – Ga, đề tả trong đó hộ gia đình ông Đặng Đình H bị thu hồi 282,6m² đất nông nghiệp tại các thửa 1703, 1704, 1378 tờ bản đồ 01 và 105,6m² đất ở nông thôn tại các thửa 04, 186 tờ bản đồ 06 (mà Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện S yêu cầu Ban quản lý dự án huyện S lập phương án điều chỉnh đối với diện tích 17,2m² đất thuộc thửa 186 tờ bản đồ 06 của hộ gia đình ông H).

- Quyết định 110 QĐ/UB Ngày 25/01/1995 của UBND xã H về việc thanh lý đất đầu thừa đuôi theo (mà Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện S yêu cầu UBND xã H xác định rõ diện tích đất thanh lý cho ông H)

[2.5] Xác định sai và đưa thiếu người tham gia tố tụng, cụ thể:

- Theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên người bị kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H và bà Quyền là UBND huyện S và UBND xã H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND huyện S và UBND xã H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, cần phải xác định là Người bị kiện.

- Đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là: Chủ tịch UBND xã H, Ban quản lý dự án huyện S (tổ chức được Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 giao nhiệm vụ lập phương án điều chỉnh đối với diện tích 17,2m² đất đã bị thu hồi), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S (cơ quan được Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 giao tiến hành điều tra, làm rõ hành vi sửa chữa nội dung Quyết định 110/1995), thành viên khác trong hộ gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị thu hồi đất, bị cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

[2.6] Trang 7 của Bản án nhận định về thời hiệu khởi kiện theo Đơn khởi kiện nộp ngày 10/12/2013 nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu này. Mặt khác, theo Thông báo trả lại đơn kiện số 01 ngày 31/3/2014 (BL 31) thì đơn khởi kiện này đã được trả lại cho người khởi kiện do không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, Bản án nhận định về thời hiệu khởi kiện theo đơn khởi kiện đã bị trả lại là không đúng.

[2.7] Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện, người khởi kiện vẫn yêu cầu buộc khôi phục nguyên trạng các thửa đất nông nghiệp 1671, 1378 và thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có vị trí liền kề cùng với thửa 1671, 1378 ở gò Đồng Trong; không có yêu cầu rút nhưng tại trang 4 bản án sơ thẩm có ghi *Đối với yêu cầu khôi phục nguyên hiện trạng đối với thửa đất số 1671, 1378 và thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có vị trí ở khu gò Đồng Tròn thôn Đ ông H, bà Q xin rút yêu cầu vì đã làm đơn khởi kiện nội dung này trong vụ án khác* là không đúng diễn biến tại phiên tòa.

[2.8] Thiếu nhận định đối với yêu cầu khởi kiện buộc các đối tượng có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án không thụ lý, giải quyết yêu cầu này.

[2.9] Phần quyết định của bản án ghi thiếu thửa 1671, 1378; thửa đất vỡ hoang từ năm 1977 có diện tích 737,4m² liền kề thửa 1671 và 1378 ở gò đồng Tròn và thửa số 186 được giao theo Quyết định số 110 trong yêu cầu đòi khôi phục nguyên trạng các thửa đất nông nghiệp; thiếu đối với thửa đất nông nghiệp số 1703 và 1704 thuộc xứ đồng Dộc Ông Bò trong yêu cầu đòi công nhận các thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H, bà Q.

[2.10] Trong vụ án có 02 người kháng cáo là ông Đặng Đình H, bà Nguyễn Thị Q nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho 02 người kháng cáo nộp chung 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định tại Điều 209, Điều 347 Luật tố tụng hành chính.

[2.11] Khoản 2 Điều 35 Luật tố tụng hành chính quy định: *Tòa án tách một vụ án có các yêu cầu khác nhau thành hai hoặc nhiều vụ án hành chính khác nhau để giải quyết trong trường hợp quyết định hành chính bị khởi kiện liên quan đến nhiều người khởi kiện và quyền lợi, nghĩa vụ của những người khởi kiện đó không liên quan với nhau.* Trong vụ án, người khởi kiện là vợ chồng ông H bà Q khởi kiện nhiều quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND xã H, UBND huyện S và người có thẩm quyền trong 2 cơ quan này mà các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện và quyền lợi, nghĩa vụ của ông H, bà Q lại có liên quan đến nhau nên việc Tòa án nhân dân huyện S tách yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch và UBND huyện S, Chủ tịch và UBND xã H thành 02 vụ án riêng biệt là không đúng quy định của pháp luật về tách vụ án.

Mặt khác, việc tách vụ án chỉ được thực hiện sau khi vụ án đã được thụ lý, chứ không phải tách từ khi xử lý đơn khởi kiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa đủ căn cứ; cần phải thu thập

chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được tại phiên tòa, cụ thể:

- Chưa tiến hành giám định bản chính Quyết định 110.QĐ/UB ngày 25/01/1995 của UBND xã H mà ông H đang lưu giữ có bị sửa chữa, thêm bớt chữ, số và ký tự hay không? Nếu có thì diện tích ban đầu trước khi có sự sửa chữa là bao nhiêu?

- Chưa có kết quả xử lý của Công an huyện S đối với Văn bản số 1424/UBND-TTr ngày 18/9/2013 của UBND huyện S về việc chuyển vụ việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra (các BL 169, 258, 274).

- Chưa làm rõ diện tích 17,2m² đất ở ông H bị thu hồi tại Quyết định 3571/2007 đã được xác định lại loại đất theo Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện S chưa.

- Chưa làm rõ sự quản lý của UBND xã H đối với 1.257,36m² đất công trên hồ sơ địa chính và thực tế (thể hiện tại Quyết định số 5037/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND huyện S).

- Chưa làm rõ thửa đất mà ông H được thanh lý theo Quyết định 110.QĐ/UB ngày 25/01/1995 của UBND xã H thuộc thửa đất và tờ bản đồ nào trong hồ sơ địa chính của UBND xã H khi mà có nhiều tài liệu có thông tin khác nhau như:

- + Tại Văn bản 2047/UBND ngày 19/12/2016 của UBND huyện S (BL 321) là thửa số 1701 (không rõ số tờ bản đồ năm nào) có diện tích 400m² nhưng bị thu hồi 17,2m² để làm đường còn lại 382,8m²;

- + Kết luận số 216/KL-TTr ngày 29/8/2013 của Thanh tra huyện S (BL 178, 253) cũng là thửa 1701 nhưng diện tích là 542m², bán thanh lý cho ông H 400m², còn lại 142m² là đất công.

- + Theo Quyết định 3571/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của UBND huyện S thì diện tích 17,2m² bị thu hồi thuộc thửa đất ở số 186 tờ bản đồ 06 (không phải là thửa 1701 như các văn bản trên).

- + Văn bản 303/CV-UBND ngày 11/10/2017 của UBND xã H (BL 374) lại xác định chủ sử dụng thửa đất ở số 186 tờ bản đồ 06 diện tích 314m² đo đạc năm 1996 là ông Đặng Đức T (không phải là ông Đặng Đình H như Quyết định 3571/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 và diện tích cũng không phải như các văn bản trên).

- Chưa thu thập Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Chủ tịch UBND xã H giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu)

- Bút lục 220 và 221 thiếu trang đầu tiên nên không biết là tài liệu gì. Bút lục 222 là giấy trắng.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, áp dụng Khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải hủy bản án sơ thẩm và giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để thụ lý xét xử sơ thẩm lại do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và phải thu thập chứng cứ mới quan

trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện S; giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để thụ lý xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Trả lại cho ông Đặng Đình H, bà Nguyễn Thị Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 869 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện S
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ, lưu Tòa HC

Phạm Thị Hoàng Phúc

